TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 23-12-2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Mai, ông Phạm Ngọc Thiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lò Thị Hiền- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản L, xã TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lò Thị D, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Bản L, xã TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lò Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T C(trước là xã C, huyện TC), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến tháng 8 năm 2025 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi

vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Lò Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị ly hôn với chị Lò Thị D.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D có 01 (một) con chung là cháu Lò Trà M, sinh ngày 23/6/2021. Hiện tại cháu Lò Trà M ở với anh Lò Văn T.

Anh Lò Văn T có nơi cư trú ổn định. Anh Lò Văn T trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán thêm, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Anh Lò Văn T có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Anh Lò Văn T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Trà M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T không yêu cầu chị Lò Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 20/11/2025, ngoài những tài liệu, chứng cứ do anh Tâm đã giao nộp, anh Tâm không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 17/11/2025 tại Bản L, xã TC, tỉnh Sơn La, anh Lò Văn T và chị Lò Thị D có hộ khẩu thường trú tại Bản L, xã TC, tỉnh Sơn La, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện nay anh Tâm và chị Dung đã sống ly thân. Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D 01 (một) con chung là cháu Lò Trà M, sinh ngày 23/6/2021. Hiện tại cháu Lò Trà M ở với anh Lò Văn T. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Anh Lò Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Tâm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Bị đơn chị Lò Thị D đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La. Chị Lò Thị D không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn T được ly hôn chị Lò Thị D.

Về con chung: Giao cháu Lò Trà M, sinh ngày 23/6/2021 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Lò Văn T không yêu cầu).

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn T, chị Lò Thị D không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn anh Lò Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lò Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn chị Lò Thị D có địa chỉ tại bản Thẳm, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025).

Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh Lò Văn T, bị đơn chị Lò Thị D: Nguyên đơn anh Lò Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn chị Lò Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn 06/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T C(trước là xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến tháng 8 năm 2025 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Anh Tâm cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị Lò Thị D.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tâm và chị Dung lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho anh Lò Văn T được ly hôn chị Lò Thị D. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D có 01 (một) con chung là cháu Lò Trà M, sinh ngày 23/6/2021. Hiện tại cháu Lò Trà M ở với anh Lò Văn T.

Anh Lò Văn T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Trà M.

Anh Tâm, chị Dung đều có nơi cư trú ổn định. Anh Lò Văn T trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán thêm, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Anh Lò Văn T có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lò Trà M, sinh ngày 23/6/2021 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Lò Văn T không yêu cầu).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Anh Lò Văn T, chị Lò Thị D không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Lò Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (Luật sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn T được ly hôn chị Lò Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Trà M, sinh ngày 23/6/2021 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (anh Lò Văn T không yêu cầu).

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị D không có nợ chung.

7. Về án phí: Anh Lò Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000539, ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Anh Lò Văn T, chị Lò Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- UBND xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng